

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 97/2019/HS-ST
Ngày: 17 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Bà Trương Thị Kim Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn Đ, sinh năm 1991, tại Long An; Nơi cư trú: Ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị N; bị cáo có vợ tên Phạm Thị Phương A, có 02 con chung; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2019 đến ngày 13/8/2019 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thanh P, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2/ Lê Đức T, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Nguyễn Hoàng S (vắng mặt), Nguyễn Tấn P (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên vào khoảng tháng 03/2019, trong lúc đi làm thuê tại huyện H, tỉnh Long An, bị cáo Lê Văn Đ có quen biết với người thanh niên tên L không rõ nhân thân, lai lịch. Đến khoảng 6 giờ 30 phút ngày 23/7/2019, bị cáo Đ đang ngủ tại nhà nghỉ (không rõ biển hiệu) thuộc ấp S, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Long An thì L gọi điện thoại cho bị cáo Đ và kêu bị cáo Đ điều khiển xe mô tô do người khác phạm tội mà có thuê cho L từ khu vực ngã tư S, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh về địa bàn huyện H giao cho L tiêu thụ, với giá tiền công mỗi lần vận chuyển một xe là 400.000 đồng, bị cáo Đ đồng ý thực hiện. Khoảng 30 phút sau, có một người tên L không rõ nhân thân, lai lịch điều khiển xe mô tô không rõ biển số đến nhà nghỉ tại ấp S, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Long An chở bị cáo Đ đến khu vực ngã tư S, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến khu vực ngã tư S có một thanh niên không rõ họ tên địa chỉ đứng đợi sẵn giao xe mô tô biển số 72F1-385.47 loại Wave Alpha màu trắng cho bị cáo Đ. Bị cáo Đ quan sát bên ngoài nhìn thấy ổ khoá xe mô tô này bị cạy phá, ổ khoá yên xe bị mở sẵn, xe không có giấy chứng nhận đăng ký, không có chìa khoá công tắc điện của xe và do có thoả thuận trước với L nên bị cáo Đ biết rõ xe mô tô 72F1-385.47 là tài sản do người khác phạm tội mà có và nhận xe điều khiển xe về đến khu vực ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An thì bị công an tuần tra phát hiện bắt quả tang người cùng vật chứng để xử lý. Bị cáo Đ chưa nhận được tiền công vận chuyển.

Vật chứng thu giữ quả tang gồm có: 01 xe mô tô biển số 72F1-385.47; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu xám, số sim 0937774132; Tiền Việt Nam 200.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo Đ khai nhận trước khi bị bắt quả tang khoảng 3 đến 4 ngày, bị cáo Đ còn vận chuyển thuê cho L 02 xe mô tô không rõ biển số do người khác phạm tội mà có từ khu vực ngã tư S, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh về HUYỆN ĐỨC HÒA, tỉnh Long An tiêu thụ và nhận tiền công do L trả tổng cộng là 800.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết 600.000 đồng, còn lại 200.000 bị thu giữ quả tang.

Quá trình điều tra xác định: xe mô tô biển số 72F1-385.47, có số máy: HC23E-7082863, số khung: RLHHC-125XFY082810, xe do ông Lê Đức T, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đứng tên đăng ký chủ quyền. Vào khoảng 08/2018, ông T bán lại xe mô tô nói trên cho ông Nguyễn Thanh P với giá 10.000.000 đồng, quá trình mua bán không làm giấy tờ sang tên. Ông P sử dụng xe đến ngày 25/01/2019 thì bị trộm cắp mất xe tại phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 69/KL.ĐGTS ngày 30/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An kết luận xe mô tô biển số 72F1-358.47 có giá trị T tiền là 8.895.000 đồng

Ngày 30/8/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trao trả tài sản là xe mô tô biển số 72F1-385.47, có số máy: HC23E-7082863, số khung: RLHHC-125XFY082810 cho chủ sở hữu hợp pháp ông Nguyễn Thanh P.

Tại bản cáo trạng số 99/CT-VKSĐH ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Lê Văn Đ gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s, r khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; xử phạt bị cáo Lê Văn Đ mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 6 (sáu) tháng.

Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Về tang vật chứng:

+ Đối với xe mô tô biển số 72F1-385.47, có số máy: HC23E-7082863, số khung: RLHHC-125XFY082810 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Thanh P, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại cho ông Nguyễn Thanh P nên đề nghị không đề cập, xem xét.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu xám, số sim 0937774132 là tài sản của bị cáo Lê Văn Đ dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước đối với điện thoại di động và tịch thu tiêu hủy sim.

+ Đối với tiền Việt Nam 200.000 đồng, bị cáo khai nhận đây là một phần tiền thu lợi bất chính nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô biển số 72F1-385.47 và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên đề nghị không xem xét. Ngoài ra trong vụ án này, bị cáo thu lợi bất chính tổng số tiền 800.000 đồng, bị cáo bị tạm giữ số tiền 200.000 đồng và đã tự nguyện nộp thêm số tiền 600.000 đồng nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với người thanh niên có tên L có hành vi thuê Đ vận chuyển xe mô tô biển số 72F1-385.47, người có tên L có hành vi chở Đ đi nhận xe mô tô biển số 72F1-385.47 và người thanh niên không rõ họ tên địa chỉ giao xe này cho Đ tại khu vực ngã tư S, do không xác định được nhân thân lai lịch của những người này và chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo Đ, Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét làm rõ xử lý sau nên đề nghị không đề cập, xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P trình bày trong quá trình điều tra: Xe mô tô biển số 72F1-385.47, có số máy: HC23E-7082863, số khung: RLHHC-125XFY082810, do ông Lê Đức T, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đứng tên đăng ký chủ quyền. Vào khoảng 08/2018, ông T bán lại xe mô tô nói trên cho ông với giá 10.000.000 đồng, quá trình mua bán không làm giấy tờ sang tên. Ông sử dụng xe đến ngày 25/01/2019 thì bị trộm cắp mất xe tại phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông tài sản bị mất trộm nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Đ hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN ĐỨC HÒA truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn Đ trước Tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 23 tháng 7 năm 2019, biên bản về việc định giá tài sản số 69 ngày 30/7/2019 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với nội dung bản cáo trạng.

Thấy rằng, dù biết rõ nguồn gốc tài sản là do người khác phạm tội mà có nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Lê Văn Đ đã nhận vận chuyển tài sản là 01 xe mô tô biển số 72F1-385.47, có số máy: HC23E-7082863, số khung: RLHHC-125XFY082810 (xe có giá trị T tiền là 8.895.000 đồng) cho một người tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) từ khu vực ngã tư S, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh về địa bàn huyện Đức Hòa, tỉnh Long An với tiền công là 400.000 đồng. Trên đường vận chuyển đến địa phận thuộc ấp C, xã L, huyện H, tỉnh Long An thì bị Công an huyện Đức Hòa kiểm tra bắt quả tang; khi bị bắt quả tang, bị cáo chưa thu lợi từ việc thực hiện hành vi phạm tội.

Ngoài ra, qua điều tra, bị cáo Đ khai nhận trước đó đã vận chuyển thuê cho L 02 xe mô tô do người khác phạm tội mà có, nhận tiền công do L trả tổng cộng là 800.000 đồng, bị cáo Đ đã tự nguyện giao nộp lại xong (gồm 200.000 đồng bị tạm giữ khi bắt quả tang và 600.000 đồng tự nguyện giao nộp thêm).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3]. Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Lê Văn Đ gây ra là nguy hiểm. Bị cáo biết rõ đây là tài sản do phạm tội mà có, nhưng bị cáo vẫn nhận vận chuyển để tiêu thụ được tài sản. Hành vi này đã xâm phạm đến khách thể là trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến công tác bảo vệ pháp luật và phòng chống tội phạm của Nhà nước; là tiếp tay, thúc đẩy cho hoạt động tội phạm. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp; do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự khai nhận 02 lần phạm tội trước đó (tự thú), bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình (được chính quyền địa phương xác nhận), bị cáo tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương đối với bị cáo cũng có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Từ những phân tích [2], [3], [4], xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Lê Văn Đ là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tang vật chứng:

+ Đối với xe mô tô biển số 72F1-385.47, có số máy: HC23E-7082863, số khung: RLHHC-125XFY082810 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Thanh P, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trả lại cho ông Nguyễn Thanh P nên không đề cập, xem xét.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu xám, số sim 0937774132 là tài sản của bị cáo Lê Văn Đ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước đối với điện thoại di động và tịch thu tiêu hủy sim.

+ Đối với tiền Việt Nam 200.000 đồng, bị cáo khai nhận đây là một phần tiền thu lợi bất chính từ 02 lần phạm tội trước khi bị bắt quả tang nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô biển số 72F1-385.47 và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét. Ngoài ra trong vụ án này, bị cáo thu lợi bất chính tổng số tiền 800.000 đồng, bị cáo bị tạm giữ số tiền 200.000 đồng và đã tự nguyện nộp thêm số tiền 600.000 đồng nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước tổng số tiền này.

[7]. Đối với người thanh niên có tên L có hành vi thuê Đ vận chuyển xe mô tô biển số 72F1-385.47, người có tên L có hành vi chở Đ đi nhận xe mô tô biển số 72F1-385.47 và người thanh niên không rõ họ tên địa chỉ giao xe này cho Đ tại khu vực ngã tư S, do không xác định được nhân thân lai lịch của những người này và chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo Đ, Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét làm rõ xử lý sau nên không đề cập, xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 (một) năm 6 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Văn Đ về Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Lê Văn Đ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Lê Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

- Về tang vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu xám;

+ Tịch thu tiêu hủy: số sim 0937774132.

+ Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: số tiền 800.000 đồng.

Tang vật trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 110-26/8/2019 ngày 26 tháng 8 năm 2019; Biên lai thu tiền số 0001902 ngày 26/8/2019 và Biên lai thu tiền số 0001891 ngày 20/8/2019.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Văn Đ nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

Án này là sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hải An